TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2024/DS-PT;
Ngày: 16/8/2024;
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Chí Đức;
Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS–ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2777/2024/QĐ–PT ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thu T năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Kim L năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - bà Võ Thị Kim L1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thu T1 bày:

Do quen biết, bà có cho bà Võ Thị Kim L2 tiền nhiều lần để bà L3 vào việc đáo hạn nợ ngân hàng cho khách vay, tổng số tiền bà cho bà L2 là 720.000.000

đồng, lần lượt lần vay như sau: ngày 28/01/2022, vay số tiền 80.000.000 đồng; ngày 03/3/2022, vay số tiền 260.000.000 đồng; ngày 27/4/2022, vay số tiền 140.000.000 đồng; ngày 20/5/2022, vay số tiền 40.000.000 đồng; ngày 08/5/2022, vay số tiền 150.000.000 đồng; ngày 23/5/2022, vay số tiền 50.000.000 đồng.

Quá trình vay, bà L4 trả cho bà 03 lần tiền lãi tổng cộng là 410.000.000đồng. Bà yêu cầu bà L5 tiền lãi cho bà với mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ thời điểm vay theo từng thời điểm vay cụ thể được tính như sau:

- Ngày 28/01/2022 đến ngày 28/4/2024 đối với số tiền vay 80.000.000 đồng, tiền lãi là 80.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 27 tháng = 35.850.000 đồng.

- Ngày 03/3/2022 đến ngày 28/4/2024 đối với số tiền vay 260.000.000 đồng, tiền lãi là 260.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 26 tháng = 116.530.000 đồng.

- Ngày 27/4/2022 đến ngày 27/4/2024 đối với số tiền vay 140.000.000 đồng, tiền lãi là 140.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 24 tháng = 55.770.000 đồng.

- Ngày 20/5/2022 đến ngày 20/4/2024 đối với số tiền vay 40.000.000 đồng, tiền lãi là 40.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 23 tháng = 15.270.000 đồng.

- Ngày 08/5/2022 đến ngày 28/4/2024 đối với số tiền vay 150.000.000 đồng, tiền lãi là 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 24 tháng = 59.760.000 đồng.

- Ngày 23/5/2022 đến ngày 23/4/2024 đối với số tiền vay 50.000.000 đồng, tiền lãi là 50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 23 tháng = 19.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi bà yêu cầu bà L5 là 302.180.000 đồng, khấu trừ vào số tiền lãi bà L6 trả là 410.000.000 đồng, tiền gốc là 720.000.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu bà L5 612.180.000 đồng. Bà yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền gốc là 612.180.000 đồng, mức lãi 1,66%/tháng cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Nếu bà L7 ý thỏa thuận với bà thì bà đồng ý giảm cho bà L8 đồng tiền gốc.

Ngày 14/5/2024, bà thay đổi yêu cầu bà tính lại theo phương án giảm bớt tiền cho bà Lcụ thể như sau: Đối với số tiền 410.000.000 đồng mà bà L6 chuyển khoản trả cho bà 03 lần cụ thể: 19/01/2023 chuyển trả 90.000.000 đồng, 10/02/2023 chuyển trả 170.000.000 đồng và tháng 7 năm 2023 chuyển trả 150.000.000 đồng, bà sẽ trừ vào số tiền gốc tương ứng với từng khoản thời gian mà bà L9 khoản, từ thời điểm chuyển khoản sau khi trừ đi tiền gốc còn bao nhiêu thì tiếp tục tính lãi tiếp theo, cụ thể như sau:

- Tiền lãi từ mỗi thời điểm vay tiền tính đến ngày 18/01/2023, trên nợ gốc 720.000.000 đồng, mức lãi 1,66%/tháng, số tiền lãi là 114.464.000 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 19/01/2023 trả tiền gốc 90.000.000 đồng được trừ vào số tiền gốc 720.000.000 đồng còn là 630.000.000 đồng tính đến ngày 10/02/2023, lãi 1,66%/tháng, số tiền lãi là 8.011.000 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 10/02/2023 trả tiền gốc 170.000.000 đồng được trừ vào số tiền gốc 630 triệu đồng còn là 460 triệu đồng, tính đến ngày 21/6/2023, lãi 1,66%/tháng, số tiền lãi là 33.330.000 đồng.

- Tiền lãi từ ngày 22/6/2023 trả tiền gốc 150.000.000 đồng được trừ vào số tiền gốc 460.000.000 đồng còn là 310.000.000 đồng, tính đến ngày 10/5/2024, lãi 1,66%/tháng, số tiền lãi là 55.570.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi yêu cầu bà L5 là 211.375.000 đồng. Do đó, bà sửa đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà L5 tiền gốc là 310.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 10/5/2024 với số tiền là 211.375.000 đồng, tổng cộng là 521.375.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 11/5/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định pháp luật 1,66%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T2 yêu cầu tính lãi từ ngày 11/5/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Kim L10 bày:

Năm 2022 bà có quen biết với bà T3 vay tiền của bà T4 đáo hạn ngân hàng. Quá trình làm ăn, bà vay và trả nhiều lần như hợp đồng vay với bà TNhưng đến giữa năm 2022, do bà có cho bà Q Vvay tiền nhưng bà Q1 bà V trả tiền cho bà nên bà không thể trả tiền vay cho bà T5 như thỏa thuận.

Tổng cộng bà vay của bà T6 lần như bà T1 bày, tổng cộng số tiền vay là 720.000.000 đồng. Quá trình vay bà có trả tiền cho bà T7 cộng là 410.000.000 đồng tiền gốc, ngoài ra bà còn trả cho bà T8 đồng tiền lãi và các lần khác nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh để nộp cho Tòa án.

Theo bản tự khai ngày 23/4/2024, ngày 14/5/2024 và biên bản hòa giải ngày 14/5/2024, bà L11 nhận còn nợ bà T7 số tiền gốc là 310.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L12 đồng ý cách tính lãi của bà T9 chỉ đồng ý trả thêm cho bà T10 đồng tiền lãi, tổng cộng 400.000.000 đồng. Đồng thời, bà xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2024/DS–ST ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thu T11 chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thu T12 Cụ thể tuyên:

- Buộc bà Võ Thị Kim L13 trách nhiệm trả cho bà Phạm Thu T13 cộng số tiền là 521.375.000 (Năm trăm hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn)

đồng, trong đó tiền gốc là 310.000.000 (Ba trăm mười triệu) đồng và tiền lãi là 211.375.000 (Hai trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.805.000 (chín mươi triệu tám trăm lẻ năm ngàn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/6/2024, bị đơn bà Võ Thị Kim L1 kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị Kim L14 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc bà trả lải cho nguyên đơn, bà yêu cầu được trả dần đối với số tiền vốn.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà L15 y bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Kim L1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị Kim L1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Do có quen biết với nhau, bà T14 cho bà L2 tiền nhiều lần để bà L16 vay đáo hạn ngân hàng. Bà L2 tiền của bà T6 lần, tổng cộng là 720.000.000 đồng. Quá trình vay bà L13 trả tiền cho bà T13 cộng là 410.000.000 đồng tiền gốc. Bà T15 nhận bà L6 trả cho bà T13 cộng 410.000.000 đồng vào các ngày 19/01/2023 trả 90.000.000 đồng, ngày 10/02/2023 trả 170.000.000 đồng và tháng 7 năm 2023 trả 150.000.000 đồng. Bà T16 ý mỗi lần bà L9 khoản trả tiền bà sẽ khấu trừ vào số tiền gốc mà bà L17 nợ, còn bao nhiêu thì tiếp tục tính lãi tiếp theo, cụ thể như sau:

- Tính đến ngày 18/01/2023, tiền lãi trên nợ gốc 720.000.000 đồng, mức lãi 1,66%/tháng, thành tiền lãi là 114.464.000 đồng.

- Từ ngày 19/01/2023, tính lãi trên số tiền đã trả gốc 90.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền gốc 720.000.000 đồng, còn lại gốc là 630.000.000 đồng, tiền lãi từ 19/01/2023 đến ngày 10/02/2023 với mức lãi 1,66%/tháng, thành tiền lãi là 8.011.000 đồng.

- Từ ngày 10/02/2023, tính lãi trên số tiền đã trả gốc là 170.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền gốc 630.000.000 đồng, còn lại tiền gốc là 460.000.000 đồng, tính lãi từ 11/02/2023 đến ngày 21/6/2023 với mức lãi 1,66%/tháng, thành tiền lãi là 33.330.000 đồng.

- Từ ngày 22/6/2023, số tiền gốc đã trả 150.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền gốc 460.000.000 đồng, còn lại tiền gốc còn là 310.000.000 đồng, tính tiền lãi từ ngày 22/6/2023 đến ngày 10/5/2024, lãi 1,66%/tháng, thành tiền lãi là 55.570.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi bà L18 trả là 211.375.000 đồng.

[2.2] Bà L12 đồng ý trả tiền lãi cho bà T17 đồng mà chỉ đồng ý trả cho bà T90.000.000đồng tiền lãi vì lý do khó khăn, bà L16 rằng trước đây bà có trả tiền lãi cho bà T18 lần nhưng không nhớ bao nhiêu và cũng không có chứng cứ chứng minh, bà T19 thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét.

[2.3] Xét thấy, khi vay tiền các bên không có thỏa thuận khi bà L5 tiền là trả tiền là gốc hay tiền lãi, tuy nhiên bà T20 nguyện đồng ý khấu trừ toàn bộ vào số tiền gốc khi mỗi lần bà L5 tiền cho bà T21 có lợi cho phía bà L12 trái quy định pháp luật nên được chấp nhận. Như vậy, bà L13 trách nhiệm trả cho bà T22 lãi tổng cộng tính đến ngày 10/5/2024 là 211.375.000 đồng. Đối với tiền gốc, bà T23 cầu bà L5 tiền gốc là 310.000.000 đồng, bà L19 thừa nhận còn nợ bà T22 gốc 310.000.000 đồng nên ghi nhận để buộc bà L13 trách nhiệm thực hiện.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L13 trách nhiệm trả cho bà T13 cộng là 521.375.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 310.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 211.375.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.4] Bà Lkháng cáo yêu cầu Tòa án xem xét phần tiền lãi do bà không còn khả năng đóng lại, đối với tiền vốn thì yêu cầu xin trả dần. Nhưng yêu cầu của bà không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Đối với việc bà T20 nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.805.000 (chín mươi triệu tám trăm lẽ năm ngàn) đồng là tự nguyện, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ. Đồng thời, yêu cầu này không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim L1;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2024/DS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 26, 35 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thu T11 chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thu T12

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Võ Thị Kim L13 trách nhiệm trả cho bà Phạm Thu T13 cộng số tiền là 521.375.000 đồng (Năm trăm hai mươi mốt triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 211.375.000 đồng (Hai trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 90.805.000 đồng (Chín mươi triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Võ Thị Kim L20 chịu là 24.855.000 đồng (Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004735 ngày 21/6/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thế Hồng